

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THANH TRUNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THANH TRUNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 3502392074

3. Ngày thành lập: 01/04/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

562/76A Nguyễn Văn Lý, Phường 5, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
2.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa Chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa; Sản xuất giấy nhãn và bìa nhãn	1702
3.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất giấy vệ sinh cá nhân và giấy dùng trong gia đình và sản phẩm chèn lót bằng xenlulo; Sản xuất giấy có phủ chất dẻo và giấy dán tường có sợi dệt; Sản xuất nhãn hiệu....	1709
4.	In ấn	1811
5.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
6.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
7.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
8.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
9.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
10.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi	4663(Chính)
11.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa chất;	4669
12.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt trong xây dựng;	4752
13.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất hóa chất cơ bản;	3290

14.	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng	4312
15.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
16.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
17.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
18.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
19.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống Cửa cuốn, cửa tự động; Dây dẫn chống sét; Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung..	4329
20.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Hoạt động xây dựng kết cấu công trình	4390
21.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
22.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác; Bán buôn hoa và cây; Bán buôn động vật sống; Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa)	4620
23.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
24.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
25.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
26.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
27.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
28.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
29.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
30.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
31.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210

32.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
33.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
34.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
35.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
36.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
37.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước	7830
38.	Đại lý du lịch	7911
39.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
40.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
41.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
42.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
43.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
44.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
45.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
46.	Phá dỡ	4311
47.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít Chi tiết: Sản xuất sơn	2022
48.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất dầu mỡ bôi trơn	2029
49.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn xăng dầu	4661
50.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng; Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng chở hóa chất;	4933
51.	Trồng lúa	0111
52.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
53.	Trồng cây mía	0114
54.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
55.	Trồng cây lấy sợi	0116
56.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
57.	Trồng cây ăn quả	0121
58.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
59.	Trồng cây điều	0123
60.	Trồng cây hồ tiêu	0124
61.	Trồng cây cao su	0125
62.	Trồng cây cà phê	0126
63.	Trồng cây chè	0127

64.	Nuôi trồng thủy sản nội địa Chi tiết: Nuôi trồng thủy sản nước lợ; Nuôi trồng thủy sản nước ngọt, Sản xuất giống thủy sản	0322
65.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
66.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
67.	Xây dựng nhà để ở	4101
68.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
69.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
70.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
71.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
72.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
73.	Sản xuất máy luyện kim	2823
74.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
75.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
76.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
77.	Lập trình máy vi tính	6201
78.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
79.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
80.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
81.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt Chi tiết: Khai thác quặng bôxít; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt chưa được phân vào đâu	0722
82.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
83.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
84.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
85.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
86.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
87.	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
88.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
89.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
90.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
91.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
92.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
93.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
94.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
95.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
96.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141

97.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp Chi tiết: Ươm giống cây lâm nghiệp; Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ; Trồng rừng và chăm sóc rừng tre, nứa	0210
98.	Khai thác gỗ	0220
99.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
100.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
101.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
102.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
103.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
104.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
105.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
106.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
107.	Bốc xếp hàng hóa	5224
108.	Cho thuê xe có động cơ	7710
109.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
110.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
111.	Sản xuất giày, dép	1520
112.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
113.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
114.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
115.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
116.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
117.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
118.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
119.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình thể thao ngoài trời	4299
120.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa Chăn nuôi gia cầm Chi tiết: Hoạt động ấp trứng và sản xuất giống gia cầm; Chăn nuôi gà; Chăn nuôi vịt, ngan, ngỗng; Chăn nuôi gia cầm khác	4610
121.	Chăn nuôi gia cầm Chi tiết: Hoạt động ấp trứng và sản xuất giống gia cầm; Chăn nuôi gà; Chăn nuôi vịt, ngan, ngỗng; Chăn nuôi gia cầm khác	0146
122.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150

123.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
124.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
125.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
126.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
127.	Khai thác thủy sản nội địa Chi tiết: Khai thác thủy sản nước lợ; Khai thác thủy sản nước ngọt	0312
128.	Sản xuất máy bay, tàu vũ trụ và máy móc liên quan	3030
129.	Khai thác và thu gom than non	0520
130.	Khai thác quặng uranium và quặng thorium	0721
131.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
132.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
133.	Khai thác muối	0893
134.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
135.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
136.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
137.	Sản xuất đường	1072
138.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
139.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
140.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
141.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
142.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai; Sản xuất đồ uống không cồn	1104
143.	Sản xuất sợi	1311
144.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
145.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
146.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
147.	Đúc sắt, thép	2431
148.	Đúc kim loại màu	2432
149.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
150.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
151.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
152.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
153.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
154.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
155.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
156.	Thu gom rác thải độc hại	3812
157.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821

158.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
159.	Tái chế phế liệu	3830
160.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
161.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý xe có động cơ khác.	4513
162.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
163.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
164.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu	8219
165.	Bán buôn thực phẩm	4632
166.	Bán buôn đồ uống	4633
167.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
168.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
169.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
170.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
171.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
172.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
173.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ	4781
174.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
175.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
176.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
177.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
178.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
179.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
180.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
181.	Dịch vụ đóng gói	8292
182.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
183.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
184.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
185.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

186.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
187.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
188.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
189.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa Chi tiết: Trồng rau các loại; Trồng đậu các loại; Trồng hoa	0118
190.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm Chi tiết: Trồng cây gia vị; Trồng cây dược liệu	0128
191.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
192.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
193.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
194.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
195.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
196.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
197.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
198.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
199.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
200.	Sản xuất nhạc cụ	3220
201.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
202.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
203.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
204.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
205.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
206.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
207.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
208.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
209.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
210.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
211.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
212.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
213.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
214.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
215.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011

216.	Quảng cáo	7310
217.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
218.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
219.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 9chỗ ngồi trở xuống); Bán buôn xe có động cơ khác	4511
220.	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn mô tô, xe máy; Bán lẻ mô tô, xe máy; Đại lý mô tô, xe máy	4541
221.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
222.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THÀNH TRUNG	58/733 Quang Trung, Phường 12, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500.000	5.000.000.000	25,000	024932638	
			Tổng số	500.000	5.000.000.000	25,000		
2	NGUYỄN ÁI TUYẾT	356/52 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500.000	5.000.000.000	25,000	024938627	
			Tổng số	500.000	5.000.000.000	25,000		
3	NGUYỄN TOÀN THẮNG	Thôn 2, Xã Suối Rao, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.000.000	10.000.000.000	50,000	004051000008	
			Tổng số	1.000.000	10.000.000.000	50,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN TOÀN THẮNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/03/1951

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 004051000008

Ngày cấp: 29/01/2019

Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DL QG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 2, Xã Suối Rao, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn 2, Xã Suối Rao, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu